

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Nhân

2. Ông Nguyễn Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Duy Toàn- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 195/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mộng T**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số nhà 5/5 đường NTT, phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số nhà 5/5 đường NTT, phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/4/2022 và những lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T thể hiện như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Tr chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 14/3/2006. Việc chung sống là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được gia đình hai bên đồng ý. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn, sau đó có xảy ra những mâu thuẫn nhỏ nhưng vợ chồng tự hòa giải. Đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thỉnh thoảng có cãi vã nhau, đôi khi đánh đập nhau. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ

chồng không còn nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do vậy năm 2021 chị T có nộp đơn ra Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng sau đã rút đơn ly hôn. Sau khi rút đơn thì vợ chồng ít khi nói chuyện, không còn quan tâm, lo lắng cho nhau, không cùng chung mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc nên tháng 04/2022 chị T lại tiếp tục nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn vì anh Tr không chăm lo cho gia đình, không thường xuyên sống ở nhà, không quan tâm đến vợ và các con, vợ chồng cũng không có tiếng nói chung nên không mang lại hạnh phúc, thỉnh thoảng anh Tr có về nhà nhưng chỉ thăm con rồi lại đi trong ngày. Do tình cảm vợ chồng không còn nên từ tháng 04/2022 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Từ khi sống ly thân đến nay vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, cũng không hàn gắn được tình cảm.

Nay do tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr.

- Về con chung: Chị T và anh Tr có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 31/3/2008 và Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 31/3/2010. Hiện cháu M và cháu V đang ở với chị T, vì vậy chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M và cháu V, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T cam kết vợ chồng không vay nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Tr không đến Tòa án làm việc, không gửi bản tự khai nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vào ngày 18/7/2022 nhưng không thành, sau đó chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị T có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Tr không có mặt mặc dù đã được Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, cũng không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản không có vi phạm gì.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr; giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi thành niên; về cấp dưỡng, về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết;

Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường 2, thành phố Bảo Lộc thì địa chỉ nơi cư trú của bị đơn tại số 5/5 đường Nguyễn Trung Trực, phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn Tr vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Nguyễn Văn Tr chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, việc chung sống là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị T và anh Tr sống cùng mẹ chị T ở số 5/5 đường Nguyễn Trung Trực, phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống chị T và anh Tr phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng tinh thoảng cãi vã, đôi khi đánh đập nhau. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh Tr không quan tâm đến gia đình, vợ, con. Chị T và gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Tr vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trở nên trầm trọng không thể hàn gắn được tình cảm nên năm 2021 chị T đã nộp đơn ra Tòa yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng sau đó chị T đồng ý rút đơn để cho anh Tr sửa chữa bản thân, xây dựng gia đình hạnh phúc cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, sau khi rút đơn thì cuộc sống vợ chồng không tốt lên, hơn nữa anh Tr thường không sống ở nhà, đi đâu, làm gì chị T không biết, không có trách nhiệm với gia đình, vợ, con. Do tình cảm vợ chồng không còn nên từ tháng 04/2022 cho đến nay chị T và anh Tr đã sống ly thân, phần ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Tr. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Tr nhiều lần để hòa giải nhưng anh Tr vẫn cố tình vắng mặt, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Tr đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 39 Bộ luật dân sự, xử cho chị T và anh Tr được ly hôn là có cơ sở và đúng pháp luật.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh Tr đã có với nhau 02 người con chung tên là Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 31/3/2008 và Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 31/3/2010. Hội đồng xét xử xét thấy rằng từ khi chị T và anh Tr sống ly thân cho đến nay con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc con, chị T luôn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Cháu M và cháu V cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Còn anh Tr không đến Tòa án làm việc nên không trình bày nguyện vọng về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định và phát triển bình thường của con chung cần áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xử

giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi là cần thiết và đúng pháp luật. Chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T thống nhất trình bày hiện tại vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng T đối với anh Nguyễn Văn Tr.

Xử cho chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Nguyễn Văn Tr được ly hôn.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Xử giao con chung là Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 31/3/2008 và Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 31/3/2010 cho chị Nguyễn Thị Mộng T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

“Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình”.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập đến.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai T tiền số 0005023 ngày 04/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ****Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Bảo Lộc;
- Chi cục THADS thành phố Bảo lộc;
- UBND phường 2, thành phố Bảo Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Hòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

